

Số: 272/2020/QĐST-HNGĐ

Hàm Thuận Bắc, ngày 18 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

*Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 403/2020/TLST-HNGĐ
ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa:*

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mỹ D, sinh năm 1993.

Bị đơn: Anh Bùi Thanh S, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1968.

- Bà Đỗ Thị Phương L, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Bùi Hoàng H, sinh năm 1986.

- Bà Đoàn Thị Thu T, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: số 416/2 đường L, ấp B, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Ngân hàng N.

Địa chỉ: số 2 đường L, phường T, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Bà
Bùi Thị Trúc H – Trưởng phòng KHKD chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo giấy ủy quyền
ngày 10/9/2020.*

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

*Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83
của Luật Hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày
11 tháng 9 năm 2020,*

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Mỹ D và anh Bùi Thanh S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về con chung: Khi ly hôn, chị Nguyễn Mỹ D và anh Bùi Thanh S thỏa thuận với nhau về việc giải quyết con chung như sau:

- Về nuôi con:

Chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Nguyễn Gia N, sinh ngày 07/02/2017.

Anh S và chị D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; anh S có quyền thăm nom con chung.

- Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Về tài sản chung: Anh S và chị D thỏa thuận về việc giải quyết tài sản chung, như sau:

Anh S và chị D cùng thống nhất có khối tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số QH, diện tích 200m² tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237342 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 23/11/2005 cho hộ ông Lê Tấn T, cập nhật biến động sang tên cho anh Bùi Thanh S ngày 29/7/2019.

Trị giá tài sản chung anh S và chị D yêu cầu xác định theo biên bản định giá ngày 01/9/2020 là 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Chị D được toàn quyền sử dụng đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số QH, diện tích 200m² tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 237342 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 23/11/2005 cho hộ ông Lê Tấn T, cập nhật biên động sang tên cho anh Bùi Thanh S ngày 29/7/2019.

Chị D có nghĩa vụ thanh toán cho anh S số tiền chia tài sản chung là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Trị giá tiền chia tài sản chung của chị D là 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho tới khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về nợ chung: Tất cả đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng:

Chị Nguyễn Mỹ D tự nguyện cam kết, thỏa thuận, đồng ý chịu 4.057.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất. Chị D đã nộp đủ số tiền này tại Tòa án nên không phải nộp nữa.

Bị đơn và tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất.

Về án phí:

Chị Nguyễn Mỹ D tự nguyện cam kết, thỏa thuận, đồng ý chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 9.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được chia. Chị D đã nộp số tiền 5.550.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005836 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Chị D phải tiếp tục nộp số tiền 3.600.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Anh Bùi Thanh S tự nguyện cam kết, thỏa thuận, đồng ý chịu 2.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được chia.

Anh Bùi Thanh S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện HTB;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kim Hoa